TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21-8-2023
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tô Thị Lành và ông Nguyễn Xuân Hoà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 về việc "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Trúc K, sinh năm 1978; địa chỉ: 101 đường N, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bà K có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1978; địa chỉ: 10/19 đường H, tổ 1, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Ông D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Trong đơn khởi kiện ngày 07-4-2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê Thị Trúc K trình bày*:

Bà và ông Nguyễn Văn D chung sống với nhau từ năm 2008 nhưng đến ngày 11-02-2011 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trong thời gian chung sống, cả hai phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng luôn cãi vã, bất đồng quan điểm sống và không tìm được tiếng nói chung. Từ năm 2017 đến nay, bà và ông Nguyễn Văn D không còn chung sống với nhau, không ai còn quan tâm, chăm sóc cho ai, phần người nào chỉ biết bổn phận người đó. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Bà và ông Nguyễn Văn D có hai con chung là cháu Nguyễn Anh K1, sinh ngày 08-5-2009 và cháu Nguyễn Cát T, sinh ngày 08-12-2011. Bà có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung; bà không yêu cầu ông Nguyễn Văn D phải cấp dưỡng cho con.

Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung.

2. *Tại bản tự khai ngày 20-4-2023 và đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 15-8-2023, bị đơn là ông Nguyễn Văn D trình bày*:

Ông và bà Lê Thị Trúc K chung sống với nhau từ năm 2008 nhưng đến ngày 11-02-2011 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống, ông và bà Lê Thị Trúc K thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cả hai không hiểu, không thống nhất được một số vấn đề phát sinh trong cuộc sống vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình tổ chức hòa giải, động viên để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không thành, dẫn đến việc cả hai không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay. Nay bà Lê Thị Trúc K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông đồng ý.

Ông và bà Lê Thị Trúc K có hai con chung là cháu Nguyễn Anh K1, sinh ngày 08-5-2009 và cháu Nguyễn Cát T, sinh ngày 08-12-2011. Ly hôn, ông đồng ý giao cả hai con chung cho bà Lê Thị Trúc K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung; ông không yêu cầu Toà án giải quyết về cấp dưỡng cho con.

Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Lê Thị Trúc K khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn D và tranh chấp về nuôi con; ông Nguyễn Văn D có nơi cư trú tại thành phố P nên Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục lựa chọn hòa giải và lựa chọn Hòa giải viên: Theo Biên bản ghi nhận ý kiến của người khởi kiện về việc lựa chọn hòa giải, lựa chọn Hòa giải viên ngày 19-4-2023, bà Lê Thị Trúc K không đồng ý lựa chọn hòa giải và lựa chọn Hòa giải viên. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Bị đơn là ông Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Lê Thị Trúc K và ông Nguyễn Văn D đăng ký kết hôn ngày 11-02-2011 tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông bà không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bổn phận người đó. Mặc dù, đã được hai bên gia đình nhắc nhở, hòa giải nhiều lần

nhưng ông bà vẫn tiếp tục sống ly thân và bỏ mặc nhau.

Chính vì vậy, đã có đủ cơ sở để nhận định rằng, tình trạng hôn nhân của họ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, quan hệ vợ chồng đã thực sự không thể hàn gắn được nữa, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được nên yêu cầu của bà Lê Thị Trúc K về việc ly hôn ông Nguyễn Văn D là có căn cứ, được chấp nhận.

[2.2] Về con:

Bà Lê Thị Trúc K và ông Nguyễn Văn D có hai con chung là cháu Nguyễn Anh K1, sinh ngày 08-5-2009 và cháu Nguyễn Cát T, sinh ngày 08-12-2011.

Bà Lê Thị Trúc K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con; tại đơn trình bày ngày 12-7-2023, cháu Nguyễn Anh K1 và cháu Nguyễn Cát T có nguyện vọng được ở với bà Lê Thị Trúc K sau khi cha mẹ ly hôn; nguyện vọng của bà Lê Thị Trúc K, cháu Nguyễn Anh K1 và cháu Nguyễn Cát T là chính đáng, đúng pháp luật, đảm bảo quyền lợi của con. Bà Lê Thị Trúc K có đủ khả năng, điều kiện để nuôi dưỡng con, đảm bảo được cuộc sống và sự phát triển bình thường về mọi mặt cho con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nguyễn Anh K1 và cháu Nguyễn Cát T cho bà Lê Thị Trúc K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Bà Lê Thị Trúc K và ông Nguyễn Văn D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung: Bà Lê Thị Trúc K và ông Nguyễn Văn D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị Trúc K là nguyên đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Trúc K.

1.1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Trúc K ly hôn ông Nguyễn Văn D.

1.2. Về con: Giao cháu Nguyễn Anh K1, sinh ngày 08-5-2009 và cháu Nguyễn Cát T, sinh ngày 08-12-2011 cho bà Lê Thị Trúc K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Anh K1 và cháu

Nguyễn Cát T thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Trúc K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000121 ngày 19-4-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; bà Lê Thị Trúc K đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Trúc K có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày 21-8-2023. Ông Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án sơ thẩm được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- UBND phường I, thành phố P
(GCNKH số 20, đăng ký ngày 11-02-2011);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền